

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **191/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 28-9-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L Thành - tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 487/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 106/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T trình bày:*

Chị và anh Bùi Minh L kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 07/01/2014. Quá trình chung sống vợ chồng xảy

ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, chị và anh L đã ly thân khoảng 02 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 10/4/2015. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Minh L vắng mặt nên không có lời khai.*

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L Thành:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc T thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm T. Về con chung: Đề nghị giao con chung Bùi Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị T trình bày chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung. Do anh L không có lời khai nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được ủy ban nhân dân xã L An, huyện L Thành, tỉnh

Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 07/01/2014, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị T thì sau khi chị và anh L kết hôn và chung sống, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, chị và anh L đã ly thân khoảng 02 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh L.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho chị T và anh L hàn gắn đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn còn anh L vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh L có thái độ bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 10/4/2015. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo chị T trình bày thì hiện cháu K đang ở với chị và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu anh L có ý kiến về nội dung khởi kiện của chị T, trong đó có vấn đề về con chung, tuy nhiên anh L không đến tòa làm việc và không có ý kiến, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do chị T cung cấp cũng như các chứng cứ do tòa án T thập để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, theo chứng cứ do chị T cung cấp thể hiện chị có công việc ổn định với mức T nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con, đồng thời, hiện cháu K đang ở cùng chị T và do chị T nuôi dưỡng, do đó, cần tiếp tục giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định về cuộc sống và sự phát triển tốt nhất cho cháu. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị T trình bày chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung. Do anh L không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện L Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Cẩm T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với anh Bùi Minh L.

Về con chung: Giao con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 10/4/2015 cho chị Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời anh Bùi Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Minh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp tại biên lai số 0001698 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện L Thành;
- Chi cục THADS huyện L Thành;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Ngọc**